

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Bà Tô Thu Hoài;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Ký D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) ngày 11/12/1989. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 06 năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra

tranh cãi nhau. Năm 2015 bà Nguyễn Thị P đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án, tuy nhiên sau đó vì muốn hàn gắn tình cảm nên hai vợ chồng đã thỏa thuận đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện, ông Trương Ký D vẫn thường xuyên uống rượu, đánh chửi bà Nguyễn Thị P gây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Trương Ký D.

Về con chung: Có 04 con chung gồm Chương Thị H, sinh ngày 09/10/1990; Chương Thị H, sinh ngày 13/6/1996; Chương Thúy K, sinh ngày 12/6/2002; Chương Hồng V, sinh ngày 12/4/2011. Chị Chương Thị H, chị Chương Thị H và chị Chương Thúy K đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chương Hồng V, sinh ngày 12/4/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Trương Ký D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Trương Ký D nhưng ông không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Qua xác minh với Công an xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác nhận ông Trương Ký D có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vẫn sinh sống tại địa phương, chưa đăng ký tạm vắng hay cắt hộ khẩu tại địa phương, chưa đăng ký tạm trú tại địa phương khác.

Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Thời gian đầu bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D sống hòa thuận. Từ năm 2015 xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, ông Trương Ký D đuổi bà Nguyễn Thị P ra khỏi nhà, bà Phương thuê nhà trọ tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ở, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Mức thu nhập của ông Trương Ký D do không cung cấp thông tin nên Ủy ban nhân dân xã không lấy được thông tin.

Do ông Trương Ký D không đến Tòa án để tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc ly hôn với ông Trương Ký D. Về con chung: Có 04 con chung là Chương Thị H, sinh ngày 09/10/1990; Chương Thị H, sinh ngày 13/6/1996; Chương Thúy K, sinh ngày 12/6/2002 (đều đã đủ 18 tuổi); Chương Hồng V, sinh ngày 12/4/2011. Giao con chung là cháu Chương Hồng V cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trương Ký D không phải cấp dưỡng nuôi con. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung vì đương sự không có yêu cầu. Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với bị đơn ông Trương Ký D; cư trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D có đăng ký kết hôn. Do đó xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa mở lần thứ hai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trương Ký D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/1989 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D hợp pháp.

[4] Trong thời kỳ hôn nhân, theo lời khai của bà Nguyễn Thị P và qua xác minh tại địa phương cho thấy, bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Mặc dù năm 2015 bà Nguyễn Thị P đã yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn, sau đó vợ chồng quay về đoàn tụ để hàn gắn tình cảm nhưng không có tiến triển. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình trạng của vợ chồng bà Nguyễn Thị P và ông Trương Ký D đã trầm trọng, vợ chồng đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Có 04 con chung:

+ Chương Thị H, sinh ngày 09/10/1990;

+ Chương Thị H, sinh ngày 13/6/1996;

+ Chương Thúy K, sinh ngày 12/6/2002;

+ Chương Hồng V, sinh ngày 12/4/2011.

Hiện nay 03 con chung là chị Chương Thị H, chị Chương Thị H, chị Chương Thúy K đã đủ 18 tuổi, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cháu Chương Hồng V đang ở với bà Nguyễn Thị P. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị P yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chương Hồng V đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Trương Ký D cấp dưỡng nuôi con. Điều này phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của bà Nguyễn Thị P đang làm nghề lái taxi, có nghề nghiệp và thu nhập từ 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/tháng và cũng là để đảm bảo sinh hoạt ổn định của cháu Chương Hồng V hiện nay đang ở với mẹ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là có cơ sở chấp nhận, bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Trương Ký D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và có quyền yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do bà Nguyễn Thị P không yêu cầu ông Trương Ký D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân

Xử cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trương Ký D.

(Chứng nhận kết hôn ngày 11/12/1989 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang)).

2. Về con chung

Giao cháu Chương Hồng V, sinh ngày 12/4/2011 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trương Ký D không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trương Ký D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002065 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo

Bà Nguyễn Thị P, ông Trương Ký D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Lạng Sơn (PKTNV&THA);
- VKSND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ;
- Đương sự ;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thu Hoài

Nguyễn Thị Lợi

Nguyễn Thị Hằng